

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày 21-02-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

2. Ông Đào Trọng Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 171/2019/TLST-DS ngày 01/11/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 14/02/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T** (Tên thường gọi: Lê Thị Phương), sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B X, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “có mặt”

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1975, ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ L, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày đơn tại khởi kiện; tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 11/7/2019 tôi có cho vợ chồng ông H, bà O vay số tiền gốc 39.000.000 đồng để ông H, bà O đáo hạn ngân hàng. Khi vay có lập

giấy tay và ông H, bà O ký tên vào giấy, tôi ký tên gọi khác là Lê Thị Phương. Khi vay hai bên thống nhất thời hạn vay là 01 tháng, tức hạn trả vào ngày 11/8/2019, tôi không tính lãi vay.

Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay ông H, bà O không trả cho tôi số tiền nào cả.

Do đó nay tôi khởi kiện yêu cầu ông H, bà O phải trả cho tôi số tiền gốc vay 39.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Ý kiến Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay 39.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Lê Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O, ông Đỗ Văn H cư trú tại thôn Đ L, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O, ông Đỗ Văn H vắng mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng các đương sự vắng mặt trong các lần làm việc và tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O, ông H.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu bị đơn bà O, ông H phải trả cho bà số tiền gốc vay 39.000.000 đồng xác lập giữa bà T và ông H, bà O.

Yêu cầu này được bà T chứng minh qua lời trình bày của mình có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tại phiên tòa cũng như chứng cứ của việc vay tiền đó là giấy vay tiền đề ngày 11/7/2019. Xét giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là bản giấy gốc, có chữ ký và ghi họ tên của người vay bà O, ông H bên phần người vay, thể hiện sự tự nguyện giao kết hợp đồng vay giữa các đương sự, giấy chưa bị gạch xóa, xé bỏ, nội dung thỏa thuận việc vay giữa các đương sự không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử nhận định việc xác lập hợp đồng vay giữa bà T và ông H, bà O là có thật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của bà T, buộc bị đơn bà O, ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc vay 39.000.000 đồng.

Về tiền lãi vay, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà O phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O, ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc vay 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) cho bà Lê Thị T.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) ông H, bà O phải liên đới chịu.

Trả lại nguyên đơn bà T số tiền tạm ứng án phí 975.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019038 ngày 01/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hải Ly